

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2021.

*“V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kịch.

2. Ông Nguyễn Văn Ngoãn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 268/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Lý Thị T, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ ĐKKHKT: xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã K1, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Trần Tấn P, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Năm 2017, bà Lý Thị T và ông Trần Tấn P tự nguyện chung sống với nhau, ông bà không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã A cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/10/2017. Quá trình chung sống bà T và ông P không có con chung.

Quá trình chung sống thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà sống nên bà và ông P không còn sống chung đã mấy tháng nay. Nhận thấy vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà Lý Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với chồng là ông Trần Tấn P; Về con

chung; tài sản chung và nợ chung không có nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn là ông Trần Tấn P:* Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông P nhưng ông không tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông P.

Tại phiên tòa, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông P vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho nguyên đơn là bà Lý Thị T được ly hôn chồng là ông Trần Tấn P; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về án phí sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lý Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là ông Trần Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị T và ông Trần Tấn P tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà T và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng ông bà không tìm biện pháp hàn gắn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài và hiện nay bà T và ông P không còn sống chung với nhau. Mặt khác, ông P đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà gặp nhau để tìm biện pháp hàn gắn, để vợ chồng đoàn tụ, vì quan hệ hôn nhân là phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên nhưng ông P không tham gia. Tại Biên bản xác minh ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, ông Trần Văn B là cha ruột của ông P, ở chung nhà (cùng nơi cư trú) với ông P, đã cung cấp thông tin: Bà T và ông P không còn sống chung với nhau khoảng 01 năm nay, gia đình ông có biết việc bà T đang khởi kiện tại Tòa án để xin ly hôn với ông P nên có liên lạc điện thoại cho ông P biết do ông P đã đi

làm thuê ở xa nhưng ông P không đồng ý về, và ông P cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T.

Từ đó cho thấy, sau khi phát sinh mâu thuẫn thì bà T và ông P không tìm biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn với ông P.

[2.2] Về con chung: Bà T tự khai bà và ông P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lý Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị T được ly hôn với ông Trần Tấn P.

2. Về con chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Lý Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008892 ngày 08/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là Bà Lý Thị T và bị đơn là ông Trần Tấn Phong có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm Huyền

Huỳnh Khởi

Tô Thị Bích Duyên